

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BÃI BÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **140**/BC-UBND

Bãi Bông, ngày **16** tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện ngân sách năm 2021

Thực hiện Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

UBND phường Bãi Bông báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021 và Dự toán ngân sách năm 2022 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NĂM 2021

A. Phần thu ngân sách :

I/ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2021 đạt **4.033.355.959đ** bằng 137% kế hoạch thị xã giao đầu năm, Trong đó:

1/ Thu cân đối (*trừ tiền đất*) đạt 1.324.521.959 bằng 139% KH giao.

2/ Thu tiền sử dụng đất đạt 2.708.834.000 bằng 135% KH giao.

II/ Thu ngân sách phường:

- Tổng thu ngân sách địa phương đạt: **4.678.569.969đ** bằng 88% KH.

Trong đó : - Thu trên địa bàn: 314.016.468đ = 96%KH

- Thu bổ sung từ NS cấp trên: 4.246.119.400đ = 85%KH

- Thu chuyển nguồn sang năm nay: 101.478.000đ = 100%KH

- Thu kết dư ngân sách năm trước: 16.956.101đ

B. Chi ngân sách phường:

- Tổng chi NS năm 2021 là : **4.448.079.984đ** bằng 83,8% KH

Trong đó : - Chi thường xuyên : 3.793.839.484đ = 84,7% KH

- Chi đầu tư XD CB: 654.240.500đ = 79,3%KH

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

C. Kết quả hoạt động các quỹ tài chính khác:

Tính đến ngày 20/12/2021 UBND đã triển khai thu và thu đủ 100% các loại quỹ do nhân dân đóng góp theo kế hoạch được giao từ đầu năm, tổng các khoản thu của 9 loại quỹ là : **94.769.000đ**, (có cả số tiền tồn năm trước đã được

nộp vào Tài khoản tiền gửi của UBND phường tại Kho bạc Nhà nước thị xã Phổ Yên. Số chi các quỹ tài chính khác là : **91.186.712đ**. Công tác thu, chi các quỹ đóng góp của nhân dân được quản lý theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

III/ Đánh giá kết quả thu, chi ngân sách năm 2021:

1/ Về công tác thu ngân sách:

Với mục tiêu phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán được giao, ngay từ đầu năm UBND phường đã kịp thời triển khai và tổ chức thu các loại thuế theo kế hoạch. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: **4.033.355.959đ** bằng 137% kế hoạch thị xã giao đạt tỷ lệ cao so với kế hoạch, là do có 2 khoản thu tiền sử dụng đất và thuế thu nhập cá nhân .

2/ Về công tác chi ngân sách:

Chi ngân sách thường xuyên bằng 83,8% so với kế hoạch được giao trong năm thực hiện một số nhiệm vụ chi thường xuyên và phát sinh trong năm như : Chi đảm bảo các hoạt động dịp tết, chi tổ chức Đại hội phụ nữ, Đại hội trũ thập đỏ, các khoản chi lương, phụ cấp, BHXH, BHYT công chức tăng thêm... Các khoản chi ngân sách đã được cân đối hợp lý, tiết kiệm, bám sát dự toán được giao, tập trung vào các khoản chi cho con người và các nhiệm vụ thiết yếu đảm bảo hoạt động của bộ máy chính quyền trong năm.

3/ Tình hình sử dụng quỹ dự phòng và 10% tiết kiệm chi:

Đối với quỹ dự phòng và 10% tiết kiệm chi năm 2021 được giao 95.992.000đ. Trong năm UBND phường đã quyết định và đề nghị sử dụng chi cụ thể như sau:

Chi chênh lệch tiền lương và khoản phụ cấp: 30.220.000đ

Chi Đại hội hội phụ nữ, Đại hội chữ thập đỏ và các nhiệm vụ khác: 62.646.000đ .

IV/ Những tồn tại hạn chế

Đối với công tác thu ngân sách năm nay do của dịch bệnh covid – 19, đã làm ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách đại phương. Tỷ lệ thu đạt thấp do đó làm ảnh hưởng đến việc chi ngân sách địa phương còn hạn chế và còn để nợ đọng nhiều.

PHẦN THỨ HAI

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH - NĂM 2022

Căn cứ dự toán của UBND thị xã Phổ Yên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022, thị xã Phổ Yên; Các chỉ tiêu chủ yếu của công tác ngân sách được giao cụ thể như sau :

I- Tổng thu NSNN trên địa bàn: 835.000.000đ

II- Thu ngân sách địa phương: 4.382.271.000đ

- Trong đó:

+ Thu cân đối: 250.000.000đ

+ Thu bổ sung từ cấp trên: 4.132.271.000đ

III- Chi ngân sách địa phương: 4.382.271.000đ

- Trong đó :

+ Chi thường xuyên: 4.097.591.000đ

+ Tiết kiệm 10% để làm nguồn tăng lương: 26.312.000đ

+ Dự phòng : 87.291.000đ

(Định mức phân bổ ngân sách có phụ biểu số 04 kèm theo)

IV- Một số giải pháp nhằm thực hiện tốt kế hoạch ngân sách năm 2022:

1. Về công tác thu ngân sách:

- Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động đề ra các giải pháp tích cực trong công tác tổ chức thu đối với nguồn thu hiện có, khai thác tốt các nguồn thu, và các hộ kinh doanh mới phát sinh;

- Phối hợp chặt chẽ với Chi cục thuế nhằm điều chỉnh mức thuế cho phù hợp với tình hình kinh doanh trên địa bàn và giải quyết những vướng mắc còn tồn tại của các hộ kinh doanh;

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền Luật thuế, các chế độ chính sách có liên quan cho các đối tượng nộp thuế để nâng cao ý thức tự giác chấp hành;

- Chú trọng hơn nữa với công tác thu thuế, phí, lệ phí, thu phạt trên địa bàn.

2. Về thực hiện nhiệm vụ chi:

- Căn cứ vào dự toán được giao, các ban ngành đoàn thể chủ động trong việc lập kế hoạch, bố trí, sắp xếp các nhiệm vụ chi cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nội dung trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan năm 2022.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp về chống lãng phí và thực hành tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách. Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để làm nguồn tăng lương mới năm 2022;

- Có biện pháp điều chỉnh giảm các khoản chi hoạt động khi nhiệm vụ thu không hoàn thành;

- Tiếp tục thực hiện công khai minh bạch trong việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

Trên đây là những nội dung chủ yếu của báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021 và dự toán nhiệm vụ ngân sách năm 2022. UBND phường Bãi Bông xin báo cáo tại Kỳ họp để HĐND xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận :

- BTV Đảng ủy;
- Các vị ĐB HĐND;
- Các ĐB HĐND thị xã ứng cử tại phường;
- Các ban ngành thuộc UBND;
- Tổ trưởng 10 TDP;
- Lưu: VP HĐND, UBND.

4



Dương Văn Trường

PHỤ BIỂU KẾT QUẢ THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Phụ biểu kèm theo báo cáo)

TT	Chỉ tiêu	Dự toán 2021	Thực hiện	% HT	Ghi chú
A.	Thu NSNN trên địa bàn	2.954.500.000	4.033.355.959	137%	
I/	Thu cân đối :	2.954.500.000	4.033.355.959	137%	
1	Thuế GTGT	200.000.000	138.888.410	69%	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	110.000.000	249.934.278	227%	139.934.278
3	Thuế SD đất phi nông nghiệp	70.000.000	60.112.691	86%	
4	Thu tiền sử dụng đất (cấp quyền)	2.000.000.000	2.708.834.000	135%	
5	Thuế thu nhập cá nhân	490.000.000	793.885.000	162%	
+	Thu nhập cá nhân từ KD	100.000.000	75.391.000	75%	
+	TNCN từ chuyển nhượng BĐS	390.000.000	718.494.000	184%	
6	Phí và lệ phí	61.500.000	56.013.721	91%	
+	Phí môn bài	21.500.000	21.839.061	102%	
+	Phí, lệ phí khác	40.000.000	34.174.660	85%	
7	Thu khác ngân sách	23.000.000	16.200.000	70%	Thu phạt ANTT
8	Thu từ đất SX kinh doanh phi NN		9.487.859		
B	Thu NS xã	5.305.710.400	4.678.569.969	88%	
I	Thu cân đối	5.305.710.400	4.661.613.868	88%	
1	Thu cân đối về ngân sách phường	327.500.000	314.016.468	96%	
2	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau		101.478.000		
2	Bổ sung từ NS cấp trên	4.978.210.400	4.246.119.400	85%	
+	Bổ sung cân đối	3.772.091.000	3.040.000.000	81%	
+	Bổ sung có mục tiêu	1.206.119.400	1.206.119.400	100%	KP mừng thọ, điện chiếu sáng, bầu cử HĐND, đại hội phụ nữ, XD CB..
3	Thu tiền bồi thường đất công				
II	Thu kết dư ngân sách năm trước		16.956.101		
C/	Chi ngân sách xã	5.305.710.400	4.448.079.984	83,8%	
I/	Chi thường xuyên :	4.601.469.900	3.793.839.484	82,4%	
1	Chi con người	3.237.884.000	2.651.104.082	81,9%	
2	Chi đảm bảo hoạt động	256.750.900	307.519.736	120%	Có P.lục số 01 kèm theo
3	Chi thực hiện cuộc VĐ KD cư	50.000.000	50.000.000	100,0%	
4	Hỗ trợ HĐ quốc phòng, an ninh	60.000.000	17.995.000	30,0%	Mua vật tư, dụng cụ; khám tuyển, khám sơ tuyển NVQS, mua VPP, vật tư thiết bị máy VT, fo to tài liệu CA, QS...
5	Chi huấn luyện dân quân TV	102.631.000	102.631.000	100,0%	
6	Chi hoạt động TDTT	15.000.000		0,0%	
7	Chi sự nghiệp kinh tế	25.000.000		0,0%	
8	Chi sự nghiệp VH - Thông tin	22.000.000		0,0%	
9	Kinh phí hỗ trợ HĐND	30.000.000	35.346.266	117,8%	
	Bầu cử đại biểu quốc hội HĐND tại UBND	236.500.000	236.500.000	100,0%	
	Bầu cử đại biểu quốc hội HĐND tại các tổ	87.500.000	87.500.000	100,0%	
10	Tiền báo đại biểu HĐND	43.200.000	39.664.000	91,8%	
11	Chế độ sinh hoạt Đảng	151.012.000	63.182.000	41,8%	
12	Chi bồi dưỡng trực tiếp người tham gia công việc ở TDP	112.000.000	58.650.000	52,4%	
12	Ban thanh tra; Ban GS cộng đồng	10.000.000	2.750.000	27,5%	

13	Kinh phí BCĐ toàn dân đoàn kết	5.000.000		0,0%	
14	Chi khác đoàn thể	61.000.000	48.131.400	78,9%	
-	MTTQ TDDKXDNTM	20.000.000		0,0%	
-	MTTQ	9.000.000	4.500.000	50,0%	
-	Hội CCB	8.000.000	12.000.000	150,0%	
-	Đoàn TN	8.000.000	3.656.400	45,7%	
-	Hội phụ nữ	8.000.000	19.590.000	244,9%	ĐH nhiệm kỳ 2021-2026
-	Hội nông dân	8.000.000	8.385.000	104,8%	
15	Tiết kiệm chi 10% để làm lương	30.220.000	30.220.000	100,0%	Chi nâng lương trước thời hạn, nâng bậc lương đ.kỳ
16	Dự phòng	65.772.000	62.646.000	95,2%	
III/	Chi đầu tư phát triển	704.240.500	654.240.500	92,9%	

Phụ lục số 01

PHỤ BIỂU CHI ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

TT	Đơn vị	Dự toán năm 2021	Thực hiện	% HT	Ghi chú
	Ủy ban nhân dân	256.750.900	307.519.736	119,8	
1	Các hội đặc thù		12.290.000		
	Hội trẻ thập đỏ		5.000.000		Đại hội
	Hội người cao tuổi		7.290.000		Cấp Đại hội 4tr
2	- Các hoạt động của UBND :		295.229.736		
	+ Tiền công LĐ hợp đồng (Giao thông + Bảo vệ) :		22.800.000		
	+ Tiền điện, tiền nước, điện thoại, cước phí Internet :		53.050.400		
	+Chi công tác Khen thưởng		16.860.000		
	+ Chúc mừng thọ người cao tuổi, thiệp chúc mừng thọ...		27.500.000		
	+Sửa chữa điện, nước, thay thế thiết bị tin học,....:		44.400.000		
	+ Vật tư, dụng cụ VP, VPP		36.980.000		
	+ Phô tô tài liệu, mua ấn chỉ, biên lai, sách ngh.vụ CM phần mềm QLNN...:		24.000.000		
	+ Hội nghị, hỗ trợ tập huấn, công tác phí...		15.280.000		
	+ Mời cơm khách		18.564.836		
	+ Chi hỗ trợ, mua vật tư phòng chống dịch covid-19..		20.948.000		
	+ Chi khác (Hoa tươi, chè, nước uống, thăm viếng ...)		14.846.500		
	Tổng cộng :				

PHỤ BIỂU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CHỖ KHÁC NĂM 2021

(Phụ biểu kèm theo báo cáo)

TT	Tên quỹ	Số dư 2020	Số thu năm 2021	Tổng thu	Số chi	Số còn lại
1	Quỹ ANQP	21.798.000			12.600.000	9.198.000
2	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	2.726.000	15.050.000	17.776.000	12.896.712	4.879.288
3	Quỹ bảo trợ trẻ em	6.633.000	3.120.000	9.753.000	1.640.000	8.113.000
4	Quỹ vì người nghèo	39.883.500	20.800.000	60.683.500	7.500.000	53.183.500
5	Quỹ khuyến học	77.000	20.800.000	20.877.000	20.877.000	0
6	Quỹ Da Cam	15.977.000	10.120.000	26.097.000	14.330.000	11.767.000
7	Quỹ nhân đạo	12.775.000	15.600.000	28.375.000	6.000.000	22.375.000
8	Quỹ người cao tuổi	364.000	9.279.000	9.643.000	9.643.000	0
9	Phòng chống bão lụt	34.740.000		34.740.000	5.700.000	29.040.000
Tổng cộng :		134.973.500	94.769.000	207.944.500	91.186.712	138.555.788



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH - NĂM 2022

(Phụ biểu kèm theo báo cáo)

TT	Chỉ tiêu	Dự toán	Ghi chú
A.	Thu NSNN trên địa bàn	835.000.000	
I/	Thu cân đối	835.000.000	
1	Thuế GTGT	100.000.000	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	150.000.000	
3	Thuế SD đất phi nông nghiệp	70.000.000	
4	Thu tiền sử dụng đất (cấp quyền)	0	
5	Thuế thu nhập cá nhân :	450.000.000	
+	Thuế thu nhập cá nhân từ KD	50.000.000	
+	Thuế thu nhập cá nhân từ BĐS	400.000.000	
6	Phí và lệ phí	50.000.000	
+	Phí môn bài	20.000.000	
+	Phí, lệ phí khác	30.000.000	
7	Thu khác ngân sách	15.000.000	
8	Thu tiền bồi thường đất công		
B/	Thu NS xã	4.382.271.000	
I/	Thu cân đối	4.382.271.000	
1	Thu cân đối về ngân sách phường	250.000.000	
2	Bổ sung từ NS cấp trên	4.132.271.000	
+	Bổ sung cân đối	4.132.271.000	
+	Bổ sung có mục tiêu	0	
3	Thu tiền bồi thường đất công		
C/	Chi ngân sách xã	4.382.271.000	
I/	Chi thường xuyên	4.294.980.000	
1	Chi con người	3.225.567.000	
2	Chi đảm bảo hoạt động thuộc UBND	362.492.000	
3	KP thực hiện CVĐ toàn dân ĐK	50.000.000	
4	Hỗ trợ HĐ quốc phòng, an ninh	75.000.000	
5	Chi huấn luyện dân quân TV	138.219.000	(Chi ngày công, tiền ăn huấn luyện DQ)
6	Chi hoạt động TDTT	25.000.000	
7	Chi sự nghiệp kinh tế	35.000.000	
8	Chi sự nghiệp VH TT	35.000.000	
9	Chức danh kiêm nhiệm HĐND	25.390.000	
10	Chi bồi dưỡng trực tiếp người tham gia công việc ở TDP	112.000.000	
11	Các nội dung chi đặc thù của phường	130.000.000	
13	Chế độ sinh hoạt Đảng	40.000.000	
14	Hoạt động ban GS cộng đồng	10.000.000	

15	Kinh phí hoạt động ban thanh tra ND	5.000.000	
16	Tiết kiệm chi 10% để làm lương	26.312.000	
16	Chi khác đoàn thể	72.000.000	
-	MTTQ TĐĐKXDNTM	20.000.000	
-	MTTQ	12.000.000	
-	Hội CCB	10.000.000	
-	Đoàn TN	10.000.000	
-	Hội phụ nữ	10.000.000	
-	Hội nông dân	10.000.000	
II/	Dự phòng	87.291.000	
III/	Chi đầu tư phát triển		